

Số: /QĐ-UBND

Nam Định, ngày tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hủy bỏ danh mục công trình được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất sau 3 năm chưa thu hồi đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất và phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Vụ Bản

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số: 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Nam Định: số 862/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Vụ Bản; số 780/QĐ-UBND ngày 6/4/2020; số 616/QĐ-UBND ngày 17/3/2021; số 10/QĐ-UBND ngày 4/1/2020 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020, 2021, 2022 huyện Vụ Bản và các Quyết định phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất hàng năm huyện Vụ Bản;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Nam Định: số 109/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về việc chấp thuận danh mục dự án phải thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nam Định; số 110/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về việc chấp thuận danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa, dưới 20 ha đất rừng phòng hộ sang mục đích khác năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Theo đề nghị của UBND huyện Vụ Bản tại tờ trình số 01/TTr-UBND ngày 03/01/2023, của Sở Tài nguyên và Môi trường tại tờ trình số 42/TTr-STNMT ngày 05/01/2023 về việc phê duyệt hủy bỏ danh mục công trình được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất sau 3 năm chưa thực hiện và phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Vụ Bản và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hủy bỏ danh mục công trình được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất sau 3 năm chưa thực hiện và phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Vụ Bản, cụ thể như sau:

1. Hủy bỏ danh mục các công trình, dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 3 năm chưa thực hiện trên địa bàn huyện Vụ Bản với tổng số 15 công trình, dự án; tổng diện tích 72,89 ha, cụ thể như sau:

- Đất ở tại nông thôn (01 công trình, dự án: Khu dân cư sau trường xã Quang Trung quá 03 năm chưa có quyết định thu hồi): 3,00 ha.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (14 công trình, dự án: Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh thương mại Trần Gia, Công ty cổ phần dệt may Đức Anh quá 03 năm chưa có quyết định thu hồi, chuyển mục đích; 12 công trình, dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại Hợp Hưng xin điều chỉnh): 69,89 ha.

(có phụ lục I chi tiết kèm theo)

2. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Vụ Bản với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

2.1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		15.280,70
1	Đất nông nghiệp	NNP	10.363,98
1.1	Đất trồng lúa	LUA	8.154,66
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	8.110,48
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	44,19
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	599,14
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	466,18
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	42,46
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	733,84
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	367,71
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.867,01
2.1	Đất quốc phòng	CQP	16,76
2.2	Đất an ninh	CAN	9,73
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	205,45
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	125,89

2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	17,31
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	245,46
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.832,17
	+ Đất giao thông	DGT	1.356,19
	+ Đất thủy lợi	DTL	1.057,85
	+ Đất công trình năng lượng	DNL	11,98
	+ Đất công trình BC viễn thông	DBV	0,99
	+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	11,15
	+ Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,67
	+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	75,19
	+ Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT	4,42
	+ Đất cơ sở tôn giáo	TON	55,50
	+ Đất làm NT, NĐ, nhà TL, nhà HT	NTD	232,24
	+ Đất chợ	DCH	5,10
	+ Đất công trình công cộng khác	DCK	1,43
	+ Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	13,46
2.8	Đất ở tại nông thôn	ONT	970,13
2.9	Đất ở tại đô thị	ODT	53,64
2.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	16,36
2.11	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,28
2.12	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,57
2.13	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	4,61
2.14	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	13,02
2.15	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	18,26
2.16	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	40,53
2.17	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	181,47
2.18	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	109,02
2.19	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	5,34
3	Đất chưa sử dụng	CSD	49,70

2.2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2023

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		241,68
1	Đất nông nghiệp	NNP	213,74
1.1	Đất trồng lúa	LUA	203,21
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	203,21
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	8,17
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,25
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,36
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	1,75
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	27,81
2.1	Đất quốc phòng	CQP	
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	22,56
	+ Đất giao thông	DGT	11,30
	+ Đất thủy lợi	DTL	9,35
	+ Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT	0,76
	+ Đất làm NT, NĐ, nhà tang lễ, nhà HT	NTD	1,13
	+ Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,02
2.3	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,80
2.4	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	4,45
3	Đất chưa sử dụng	CSD	0,13

2.3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	331,06
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	295,76
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	295,76
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	8,89
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	9,59
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	12,58

1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	4,24
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất NN		7,20
	Trong đó:		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác	LUA/NKH	7,20
2.2	Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất nông nghiệp khác	NTS/NKH	
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	4,91

2.4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	Đất nông nghiệp	NNP	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	0,22
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,02
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,13
	+ Đất giao thông	DGT	0,13
2.3	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,07

2.5. Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2023 của huyện Vụ Bản (Có phụ lục II chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao UBND huyện Vụ Bản chỉ đạo các phòng, ban liên quan:

- Công bố công khai các công trình, dự án hủy bỏ được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất mà sau 3 năm chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được phê duyệt theo đúng quy định.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch đã được duyệt. Trường hợp có sự bất cập giữa quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch xây dựng, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, các quy hoạch chuyên ngành khác và các quy định của tỉnh thì kịp thời báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

- Chịu trách nhiệm rà soát lại các công trình, dự án thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2023, đảm bảo thống nhất số liệu, địa điểm giữa hồ sơ và thực địa; chỉ tiêu và khu vực sử dụng đất theo chức năng sử dụng trong quy hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; rà soát lại các nội dung có liên quan đến pháp luật về đất đai, pháp luật về quy hoạch và pháp luật khác có liên quan, chỉ tiến

hành lập thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đất đai, pháp luật khác có liên quan.

- Thông báo cho UBND các xã, thị trấn, các chủ đầu tư có công trình, dự án đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2023 lập thủ tục hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo thời gian thực hiện kế hoạch và chỉ thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trong khu dân cư đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Vụ Bản, Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP1, VP6, VP3.

KH07

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng